

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 305 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 21 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Gle**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2024 và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; Nghị định số 159/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 60/TTr-SNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 124/TTr-SNV ngày 08 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Glei thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Bãi bỏ Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Glei trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum và các quy định trái với Quyết định này.

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trưởng ban Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Glei; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- các sở, ban ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NC_{TTTT}, TTHG.

CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý rừng phòng hộ ĐăkGlei

*(Kèm theo Quyết định số 305 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Điều 1. Vị trí chức năng

1. Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Glei (sau đây gọi tắt là Ban quản lý) là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Kon Tum; chịu sự quản lý trực tiếp, chỉ đạo toàn diện của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Ban quản lý có chức năng quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng bền vững theo Quy chế quản lý rừng, quy định của Luật Lâm nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Ban quản lý là chủ rừng, có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có tài khoản và con dấu riêng, có kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Thực hiện quyền chung của chủ rừng quy định tại Điều 73 Luật Lâm nghiệp và quyền của Ban quản lý rừng phòng hộ theo quy định khoản 1, Điều 76 Luật Lâm nghiệp:

a) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định của pháp luật.

b) Được hưởng lâm sản tăng thêm từ rừng do tự đầu tư vào rừng tự nhiên, rừng trồng là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

c) Sử dụng rừng phù hợp với thời hạn giao rừng, cho thuê rừng và thời hạn giao đất, cho thuê đất trồng rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp và pháp luật về đất đai.

d) Được cung ứng dịch vụ môi trường rừng và hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng.

đ) Được hướng dẫn về kỹ thuật và hỗ trợ khác theo quy định để bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học rừng; được hưởng lợi từ công trình hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng do Nhà nước đầu tư.

e) Được Nhà nước bồi thường giá trị rừng, tài sản do chủ rừng đầu tư, xây dựng hợp pháp tại thời điểm quyết định thu hồi rừng.

g) Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với chủ rừng phát triển rừng sản xuất khi bị thiệt hại do thiên tai.

h) Hợp tác, liên kết với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để bảo vệ và phát triển rừng.

i) Được bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp khác.

k) Tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ, giảng dạy, thực tập, hợp tác quốc tế.

l) Cho thuê môi trường rừng; hợp tác, liên kết kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo phương án quản lý rừng bền vững được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

m) Được hưởng chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng theo quy định tại Điều 94 của Luật Lâm nghiệp.

n) Khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 55, rừng sản xuất là rừng tự nhiên theo quy định tại Điều 58, rừng sản xuất là rừng trồng theo quy định tại Điều 59 của Luật Lâm nghiệp.

2. Thực hiện nghĩa vụ chung của chủ rừng quy định tại Điều 74 Luật Lâm nghiệp và nghĩa vụ của Ban quản lý rừng phòng hộ theo quy định tại khoản 2, Điều 76 Luật Lâm nghiệp:

a) Quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững theo Quy chế quản lý rừng, quy định của Luật lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện quy định về theo dõi diễn biến rừng.

c) Trả lại rừng khi Nhà nước thu hồi rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

d) Bảo tồn đa dạng sinh học rừng, thực vật rừng, động vật rừng.

đ) Phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng.

e) Chấp hành sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

g) Thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

h) Lập và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và thực hiện phương án đã được phê duyệt.

i) Khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ theo quy định của Chính phủ.

3. Hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và nuôi, trồng phát triển cây dược liệu trong rừng phòng hộ thực hiện theo quy định tại khoản 8, Điều 248 Luật Đất đai:

a) Ban quản lý rừng phòng hộ được xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và quản lý xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ thực hiện theo Quy chế quản lý rừng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Nuôi, trồng phát triển cây dược liệu trong rừng phòng hộ quy định như sau:

- Ban quản lý rừng phòng hộ xây dựng phương án nuôi, trồng phát triển cây dược liệu trong rừng phòng hộ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Ban quản lý rừng phòng hộ tự tổ chức, hợp tác, liên kết hoặc cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển cây dược liệu hoặc để tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Hoạt động nuôi, trồng phát triển cây dược liệu trong rừng phòng hộ thực hiện theo Quy chế quản lý rừng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, chế độ tiền lương, các chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ hiện hành; quản lý tài chính, tài sản của cơ quan theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật và theo sự phân cấp, phân công của cấp thẩm quyền và của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Lãnh đạo Ban quản lý gồm có Trưởng ban và không quá 02 Phó Trưởng ban.

a) Trưởng ban là người đứng đầu Ban quản lý, đại diện pháp nhân của đơn vị, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban quản lý và thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Phó Trưởng ban là người được Trưởng ban phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác; được thay mặt Trưởng ban giải quyết công việc thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của Trưởng ban khi được Trưởng ban ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công và ủy quyền.

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho thôi chức vụ, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Trưởng ban, Phó Trưởng ban thực hiện theo phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ và theo quy định của pháp luật.

2. Các phòng chuyên môn nghiệp vụ:

a) Phòng Tổng hợp - Hành chính.

b) Phòng Kỹ thuật lâm nghiệp.

3. Các Đội chuyên trách bảo vệ rừng:

a) Đội chuyên trách bảo vệ rừng Số 1 - xã Đắk Long.

b) Đội chuyên trách bảo vệ rừng Số 2 - xã Đắk Long.

c) Đội chuyên trách bảo vệ rừng Số 3 - xã Đắk Long.

d) Đội chuyên trách bảo vệ rừng Số 4 - xã Đắk Long.

- d) Đội chuyên trách bảo vệ rừng Đăk Nhoong - xã Đăk Nhoong.
- e) Đội chuyên trách bảo vệ rừng Rooc Nâm - xã Đăk Nhoong.
- g) Đội chuyên trách bảo vệ rừng Đăk Ung - xã Đăk Nhoong.
- h) Đội chuyên trách bảo vệ rừng Tiêu khu 37 - xã Đăk Nhoong.
- i) Đội chuyên trách bảo vệ rừng Bung Tôn - xã Đăk Plô.
- k) Đội chuyên trách bảo vệ rừng Đăk Book - xã Đăk Plô.

Căn cứ số lượng người làm việc, vị trí việc làm của đơn vị để thực hiện thành lập phòng chuyên môn theo quy định. Lãnh đạo các phòng có Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng; tiêu chuẩn, điều kiện; quy trình, trình tự và thẩm quyền bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng của Ban quản lý thực hiện theo phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ hiện hành và quy định của pháp luật *(sau khi có ý kiến thống nhất của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)*.

4. Biên chế (số lượng người làm việc)

a) Số lượng người làm việc của Ban quản lý được xác định trên cơ sở vị trí việc làm theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của Ban quản lý được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

b) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc đã được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt, Trưởng ban thực hiện việc điều hòa biên chế cho các phòng chuyên môn, đội chuyên trách bảo vệ rừng, bảo đảm phân bổ hợp lý theo vị trí việc làm và cơ cấu ngạch chức danh nghề nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của từng đơn vị. Đồng thời, hàng năm Ban quản lý xây dựng kế hoạch biên chế sự nghiệp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định và thực hiện cắt giảm biên chế theo lộ trình.

c) Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, lao động hợp đồng của đơn vị căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, cơ cấu, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ chế tài chính

1. Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Mức độ tự chủ tài chính: phân loại là đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3).

2. Việc xây dựng phương án, phân loại mức độ tự chủ tài chính, trình giao quyền tự chủ tài chính, phân loại mức độ tự chủ tài chính và rà soát, nâng mức độ tự chủ tài chính được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng ban Ban quản lý rừng phòng hộ ĐăkGlei có trách nhiệm tổ

chức triển khai thực hiện nghiêm Quy định này, Quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của đơn vị.

2. Trong trường hợp quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ban quản lý chưa được quy định tại Quy định này hoặc có những quy định mới khác với những điều khoản trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy định này./.
